TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-PT
Ngày: 28 - 4 - 2022
V/v "*Tranh chấp nợ hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Ông Nguyễn Như Tám.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Vũ Tường Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc "*Tranh chấp nợ hụi*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà M, sinh năm 1962; Có mặt.

Địa chỉ: Xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông H1, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Bà H2, sinh năm 1976; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đ, sinh năm 1980; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Bà T1, sinh năm 1985; Vắng mặt.

Địa chỉ: Xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

3.3. Ông A, sinh năm 1983; Vắng mặt.

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3.4. Ông M, sinh năm 1978; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

3.5. Ông T2, sinh năm 1959; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

3.6. Ông N, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

3.7. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Đ1; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn Đ1, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà M trình bày:***

Vào năm 2019 và năm 2020 bà M có mua hụi của bà H2 nhiều lần. Cụ thể các lần mua hụi như sau:

- Dây hụi số 1: Hụi tháng áp ngày 10/12/2019 âm lịch (AL), hụi có 22 người tham gia, mãn vào ngày 10/8/2021 AL, mỗi đầu 10.000.000 đồng/tháng, do bà Đ làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 05 chân với số tiền là 696.000.000 đồng, dây hụi đến nay đã mãn nhưng bà H2 không giao tiền hụi cho bà M, tính đến ngày mãn hụi thì bà M hốt được số tiền là 1.100.000.000 đồng ((22 người x 10 triệu = 220.000.000đ) x5).

- Dây hụi số 2: Hụi tháng áp ngày 25/02/2020 AL, hụi có 28 người tham gia, mãn vào ngày 25/8/2022 AL, mỗi đầu 5.000.000 đồng/tháng, do bà T1 làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 01 chân với số tiền là 74.000.000 đồng, dây hụi đến nay chưa mãn nhưng bà T1 tuyên bố bể hụi nên bà H2 không giao tiền hụi cho bà M, tính đến ngày mãn hụi thì bà M hốt được số tiền là 140.000.000 đồng (5 triệu x 28 người).

- Dây hụi số 3: Hụi tháng áp ngày 05/4/2020 AL, hụi có 28 người tham gia, mãn vào ngày 05/4/2022 AL, mỗi đầu 5.000.000 đồng/tháng, do bà T1 làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 07 chân với số tiền là 508.500.000 đồng, dây hụi đến nay chưa mãn nhưng bà T1 tuyên bố bể hụi nên bà H2 không giao tiền hụi cho bà M, tính

đến ngày mãn hụi thì bà M hốt được số tiền là 980.000.000 đồng ((28 người x 5 triệu = 140.000.000đ) x7).

- Dây hụi số 4: Hụi tháng áp ngày 15/4/2020 AL, hụi có 22 người tham gia, mãn vào ngày 15/4/2022 AL, mỗi đầu 10.000.000 đồng/tháng, do bà T1 làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 03 chân với số tiền là 378.500.000 đồng, dây hụi đến nay chưa mãn nhưng bà T1 tuyên bố bể hụi nên bà H2 không giao tiền hụi cho bà M, tính đến ngày mãn hụi thì bà M hốt được số tiền là 660.000.000 đồng ((22 người x 10 triệu = 220.000.000đ) x3).

- Dây hụi số 5: Hụi tháng áp ngày 30/7/2020 AL, hụi có 22 người tham gia, mãn vào ngày 30/7/2022 AL, mỗi đầu 5.000.000 đồng/tháng, do bà T1 làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 04 chân với số tiền là 273.000.000 đồng, dây hụi đến nay chưa mãn nhưng bà T1 tuyên bố bể hụi nên bà H2 không giao tiền hụi cho bà M, tính đến ngày mãn hụi thì bà M hốt được số tiền là 440.000.000 đồng ((22 người x 5 triệu = 110.000.000đ) x4).

- Dây hụi số 6: Hụi tháng áp ngày 10/02/2019 AL, hụi có 26 người tham gia, mãn vào ngày 10/11/2021 AL, mỗi đầu 5.000.000 đồng/tháng, do bà T1 làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 02 chân với số tiền là 130.000.000 đồng, dây hụi đến nay đã mãn, bà H2 đã nhận tiền hụi từ bà T1 nhưng bà H2 không giao tiền hụi cho bà M.

- Dây hụi số 7: Hụi tháng áp ngày 20/5/2019 AL, hụi có 26 người tham gia, mãn vào ngày 20/5/2021 AL, mỗi đầu 3.000.000 đồng/tháng, do bà T1 làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 02 chân, bà M đã hốt 01 chân, còn 01 chân tính đến ngày mãn hụi là 78.000.000 đồng thì bà H2 đã nhận tiền từ bà T1 nhưng không giao tiền hụi cho bà M.

Tính đến ngày mãn hụi thì tổng 7 dây hụi trên bà M sẽ hốt được số tiền tổng cộng là 3.580.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay các chủ hụi tuyên bố hụi bể và không giao tiền hụi cho bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 27/4/2021 bà H2 và cùng chồng là ông Hùm đã tự nguyện trả trước cho bà M số tiền là 500.000.000 đồng, còn lại 3.080.000.000 đồng chưa trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà M tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 và ông H1 phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 2.500.000.000 đồng, bà M không yêu cầu tính lãi.

* ***Bị đơn bà H2 trình bày***:

Vào năm 2019 và 2020 bà H2 có tham gia chơi hụi do bà T1 và bà Đ làm chủ nhiều lần. Trong đó có 8 dây hụi ban đầu bà là người chơi nhưng sau đó bán lại cho bà M. Bà H2 thừa nhận việc có bán hụi như bà M trình bày là đúng. Tuy nhiên số tiền hụi mà Miên cho rằng đã trả cho bà có sự chênh lệch. Cụ thể như sau:

- Dây hụi số 1: Bà H2 bán cho bà M 5 chân với số tiền hụi là 693.000.000 đồng.

- Dây hụi số 2: Bà H2 bán cho bà M 2 chân với số tiền là 148.000.000 đồng.
- Dây hụi số 3: Bà H2 bán cho bà M 5 chân với số tiền là 361.700000 đồng.
- Dây hụi số 4: Bà H2 bán cho bà M 4 chân với số tiền là 452.000.000 đồng.
- Dây hụi số 5: Bà H2 bán cho bà M 4 chân với số tiền là 306.000.000 đồng.
- Dây hụi số 6: Bà H2 bán cho bà M 1,5 chân với số tiền là 105.000.000 đồng.
- Dây hụi số 7: Bà H2 bán cho bà M 2 chân với số tiền là 78.000.000 đồng.
- Dây hụi số 8: Hụi tháng áp ngày 30/8/2019 AL, hụi có 21 người tham gia, mãn vào ngày 30/5/2021 AL, mỗi đầu 10.000.000 đồng/tháng, do bà T1 làm chủ. Dây hụi này bà H2 bán cho bà M 2,5 chân với số tiền là 69.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà M giao cho bà để mua các chân hụi sống trên là 2.212.700.000 đồng. Bà đã giao cho bà M số tiền chênh lệch giữa hụi sống và hụi chết là 761.890.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh. Đến ngày 27/4/2021 vợ chồng bà tự nguyện trả tiếp cho bà M số tiền là 500.000.000 đồng.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả cho bà M số tiền còn nợ là 2.500.000.000 đồng thì bà H2 cũng đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa là 20.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên.

**** Bị đơn ông H1 trình bày:***

Việc bà H2 bán hụi cho bà M như thế nào thì ông không rõ, sau khi bể hụi thì ông mới biết, tuy nhiên nay bà M yêu cầu vợ chồng ông và bà H2 trả số tiền hụi còn nợ là 2.500.000.000 đồng thì vợ chồng ông bà cũng đồng ý trả nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa là 20.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc bà H2 và ông H1 phải thanh toán cho bà M số tiền hụi còn nợ là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với số tiền 580.000.000 đồng do bà M tự nguyện rút yêu cầu.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ- BPKCTT ngày 5/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ ông H1, bà H2 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 06, diện tích 7.507m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 024353, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 11/11/2013 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 189a, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.370m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 260538, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 12/9/2013 đứng tên ông H1.

Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang và thửa đất số 190, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.071m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 260539, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 12/9/2013 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bà M.

Ghi nhận sự tự nguyện hủy bỏ một phần biện pháp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 196b, tờ bản đồ số 6, diện tích 30.000m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 165676, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 11/5/2005 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang do bà M rút một phần đơn yêu cầu.

Số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 được trả lại cho bà M tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Phòng giao dịch huyện Đ1 - Chi nhánh tỉnh Kiên Giang theo giấy nộp tiền ngày 04/5/2021. Tài khoản số 100809423456 tại ngân hàng VietinBank được giải tỏa để thực hiện nội dung trả tiền cho bà M khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định.

**** Ngày 22/12/2021, bị đơn bà H2 kháng cáo với nội dung***: Yêu cầu xem xét lại số tiền nợ hụi và chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền nợ hụi là 1.263.894.166 đồng.

* ***Tại phiên tòa phúc thẩm***:

- Bị đơn bà H2 yêu cầu xem xét lại số tiền nợ hụi và chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền nợ hụi là 1.263.894.166 đồng.

- Nguyên đơn bà M yêu cầu không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H2 và bà tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn bà H2 trả cho bà số tiền nợ hụi 2.000.000.000 đồng.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà M, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà H2, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn

diện các chứng cứ, ý kiến tranh luận của đương sự và phát biểu của vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà H2 yêu cầu xem xét lại số tiền nợ hụi và chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền nợ hụi là 1.263.894.166 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà M khởi kiện cho rằng, vào năm 2019 và năm 2020 bà H2 có bán cho bà một số chân hụi trong 7 dây hụi và hiện tại số tiền hụi mà bà H2 còn nợ và bà yêu cầu trả là 2.500.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H2 thừa nhận việc có bán hụi cho bà M là đúng nhưng có sự chênh lệch về số chân hụi bán và số tiền bán, tuy nhiên việc bà M yêu cầu bà H2 cùng chồng là ông Hùm phải trả số tiền hụi còn nợ là 2.500.000.000 đồng thì vợ chồng bà cũng đồng ý nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa 20.000.000 đồng đến khi hết nợ, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn vợ chồng ông Hùm và bà H2 không đồng ý trả số tiền nợ hụi là 2.500.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền hụi là gốc 2.212.700.000 đồng và xin được trả dần.

[3.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cấp sơ thẩm nhận định, việc các bên thỏa thuận bán hụi với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Việc mua bán hụi tuy không thông qua với chủ hụi nhưng được bên bán hụi là bà H2 thừa nhận. Các dây hụi hai bên mua bán vào thời điểm hiện tại có một số dây chưa mãn (dây số 2, 3, 4 và 5), tức là chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên quá trình làm việc tại Tòa án phía bà M và bà H2 đồng ý kết thúc các dây hụi này vì hiện tại không còn khả năng thanh toán nữa. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định về chấm dứt dây họ như sau: *"...Dây họ chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a). Theo thỏa thuận của những người tham gia dây họ..."*, cấp sơ thẩm nhận định không xem xét lại là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Bà H2 và ông Hùm thống nhất số tiền bà M mua hụi là 2.212.700.000 đồng, bà M đã giao đầy đủ tiền hụi cho bà H2, nếu tính đến ngày mãn hụi số tiền bà M hốt được là khoảng 3.580.000.000 đồng, nhưng đến nay bà H2 cho rằng do chủ hụi tuyên bố bể hụi nên không có tiền trả cho bà M, như vậy cho thấy việc bà M bị thiệt hại là sự thật khách quan. Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà H2 và ông Hùm trả cho bà M số tiền hụi là 2.500.000.000 đồng theo yêu cầu của bà M là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà H2 và bà tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn bà H2 và ông H1 trả cho bà M số tiền nợ hụi 2.000.000.000 đồng là hoàn

toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận.

Xét yêu cầu của bị đơn bà H2 và ông Hùm xin trả dần mỗi vụ lúa 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhung không được bà M đồng ý, nên cấp sơ thẩm không có căn cứ để xem xét là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 580.000.000 đồng, cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với việc rút lại trả số tiền là 580.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3.4] Đối với ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của bà H2 và ông Hùm cho rằng đã giao cho bà M số tiền chênh lệch giữa hụi sống và hụi chết là 761.890.000 đồng, nhưng bà H2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng mình cho lời trình bày của mình và trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì bà H2 và ông Hùm cũng không có yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm không có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 5 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết vụ án để đảm bảo khả năng thi hành án nên bà M yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với một số thửa đất do ông H1 và bà bà H2 đứng tên. Ngày 05/5/2021 TAND huyện Đ1 đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 09/2021/QĐ- BPKCTT đối với thửa đất 345, tờ bản đồ số 06, diện tích đất là 7.507m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 024353 do UBND huyện Đ1 cấp ngày 11/11/2013 đứng tên H1 và thửa 196a, tờ bản đồ số 06, diện tích 30.000m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 16567, do UBND huyện Đ1 cấp ngày 11/5/2013 tên H1, hai phần đất đều tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang cùng một số thửa đất liên quan khác. Đối với phần đất thuộc thửa 345 vợ chồng bà H2 đã thỏa thuận chuyển nhượng cho ông M vào tháng 4/2021, thửa 196a hiện vợ chồng bà H2 đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Đ1 (gọi tắt là Ngân hàng). Tòa án đã đưa ông Minh và Ngân hàng tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng ông Minh, đại diện của Ngân hàng và vợ chồng bà H2 không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4.1] Cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ- BPKCTT ngày 5/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ ông H1, bà H2 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 06, diện tích 7.507m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 024353, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 11/11/2013 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 189a, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.370m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 260538, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 12/9/2013 đứng tên ông H1.

Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang và thửa đất số 190, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.071m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 260539, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 12/9/2013 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bà M là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[4.2] Cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà M tự nguyện yêu cầu hủy một phần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 196b, tờ bản đồ số 6, diện tích 30.000m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 165676, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 11/5/2005 đứng tên ông H1, đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà M; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà H2, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà H2 và ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003035 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0001595 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà H2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ (hụi)" đối với bị đơn bà H2 và ông H1.

2. Buộc bị đơn bà H2 và ông H1 phải thanh toán cho bà M số tiền hụi còn nợ là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với số tiền 580.000.000 đồng.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ- BPKCTT ngày 5/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang về việc phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ ông H1, bà H2 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 06, diện tích 7.507m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 024353, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 11/11/2013 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang; thửa đất số 189a, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.370m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 260538, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 12/9/2013 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang và thửa đất số 190, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.071m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 260539, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 12/9/2013 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bà M.

5. Ghi nhận sự tự nguyện hủy bỏ một phần biện pháp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất số 196b, tờ bản đồ số 6, diện tích 30.000m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 165676, do Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp ngày 11/5/2005 đứng tên ông H1. Đất tọa lạc tại xã B, huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang do bà M rút một phần đơn yêu cầu.

6. Số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ1 được trả lại cho bà M tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) Phòng giao dịch huyện Đ1 - Chi nhánh tỉnh Kiên Giang theo giấy nộp tiền ngày 04/5/2021. Tài khoản số 100809423456 tại ngân hàng VietinBank được giải tỏa để thực hiện nội dung trả tiền cho bà M.

7. Về án phí:

7.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà H2 và ông H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003035 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

7.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0001595 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ1, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện Đ1;
- Chi cục THADS huyện Đ1;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo